

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HSST
Ngày: 20 - 01 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thu Hà
2. Ông Phạm Công Hạ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh, cán bộ Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 207/2016/HSST ngày 27 tháng 12 năm 2016 đối với các bị cáo:

1/ Bùi Văn T, sinh năm 1972 tại thành phố Hải Phòng; thường trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: Không; con ông Bùi Văn H (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1940; đã kết hôn với chị Trần Thị N, sinh năm 1973 và có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2016; có mặt tại phiên tòa.

2/ Bùi Văn D, sinh năm 1986 tại thành phố Hải Phòng; thường trú: Thôn C, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Bùi Văn L, sinh năm 1962 và bà Trần Thị N, sinh năm 1962; đã kết hôn với chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1990 và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2016; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Bùi Văn D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cùng nghiện ma túy, khoảng 07 giờ ngày 02/7/2016, T rủ D đi mua ma túy về để sử dụng, D đồng ý. D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16-H1 2918 chở T sang khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng để mua ma túy. Đến nơi, D đứng ngoài đợi còn T đi vào mua ma túy. Vị trí đứng của D cách vị trí T mua ma túy khoảng 07m nên D quan sát thấy rõ T mua ma túy. T mua của một người không quen biết 05 gói hêrôin với giá 150.000 đồng. T cất ma túy trong túi quần bên trái rồi đi ra chỗ D đang đợi. T đứng trông xe. D đi vào mua 01 gói ma túy giá 30.000 đồng rồi cất vào túi quần bên phải. Đến khoảng 08 giờ 30 phút, D và T về đến khu vực thuộc Thôn 5, xã T, huyện T thì Công an kiểm tra, khám xét bắt quả tang. Công an thu giữ của T 05 gói giấy chứa chất bột màu trắng nghi ma túy và thu của D 01 gói giấy chứa chất bột màu trắng nghi ma túy.

Tiến hành giám định cho kết quả: Chất bột màu trắng thu của T có khối lượng 0,22 gam trong đó trọng lượng hêrôin là 0,128 gam; chất bột màu trắng thu của D có khối lượng 0,03 gam có hêrôin (Bản kết luận giám định số 562/PC54(MT) ngày 04/7/2016 và bản kết luận giám định số 229/PC54(MT) ngày 20/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng).

Vật chứng là lượng ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì được chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên bảo quản.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16-H1 2918 thuộc sở hữu của chị Bùi Thị T (sinh năm 1989, ở xã T, huyện T). Chị T cho D mượn xe làm phương tiện đi lại nhưng không biết D đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe cho chị Tuyến.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 22/12/2016, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố Bùi Văn T và Bùi Văn D về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2009/QH12) sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhận định đối với các bị cáo: Nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng; quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự; đồng thời áp dụng hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đối với hai bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của

Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, xử phạt Bùi Văn T và Bùi Văn D mỗi bị cáo từ 30 tháng đến 36 tháng tù; do các bị cáo không có việc làm và không có tài sản riêng nên không áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo; tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng của vụ án.

Bị cáo T và bị cáo D khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hành vi các bị cáo thực hiện bị truy tố chỉ có 2 bị cáo bàn bạc và hành động, không liên quan đến người khác. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt mức hình phạt thấp để các bị cáo sớm được hòa nhập xã hội.

Căn cứ quá trình tranh tụng, các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa, thể hiện:

Hồi 08 giờ 30 phút ngày 02/7/2016 tại khu vực thuộc Thôn 5, xã T, huyện T, lực lượng chức năng đã bắt quả tang Bùi Văn T và Bùi Văn D cùng nhau cất giữ trái phép ma túy trong người, trong đó T cất giữ 0,128 gam hêrôin, lượng hêrôin của D không đủ để giám định trọng lượng hêrôin trong mẫu vật. Hêrôin là chất ma túy được quy định trực tiếp trong Bộ luật hình sự. T và D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cá nhân không được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền mà tự ý giữ, cất giấu ma túy là trái pháp luật. Nhưng vì nghiện ma túy nên các bị cáo đã đi mua và giữ ma túy trong người để sử dụng. Hành vi của T và D là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quy định của pháp luật về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, hành vi của bị cáo cũng là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, gây mất an ninh trật tự, gia tăng các loại tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, kết luận bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Bùi Văn D đồng phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Đối với Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện nay quy định trong luật hình sự có sự thay đổi về mức hình phạt áp dụng đối với tội này. Cụ thể, tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự quy định khung hình phạt áp dụng đối với người phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy từ 02 năm đến 07 năm tù. Nhưng tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 quy định khung hình phạt áp

dụng với người phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy từ 01 năm đến 05 năm. Như vậy, Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 nhẹ hơn quy định trong Bộ luật hình sự.

Tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13... quy định: Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 và điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội. Căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 để quyết định hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Bùi Văn D.

Để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, cần buộc các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện. Trong vụ án, cả 2 bị cáo đều nghiện ma túy thuộc đối tượng theo dõi của địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên các bị cáo được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Về vai trò đồng phạm, cả hai bị cáo cùng thống nhất mua ma túy về sử dụng và cùng thực hiện nên cả hai bị cáo đều phải chịu trách nhiệm đối với hành vi cất giữ ma túy của nhau. Tuy nhiên, T bỏ ra số tiền và cất giữ ma túy nhiều hơn D thể hiện vai trò thực hành tích cực hơn D. Do vậy, trách nhiệm hình sự của bị cáo T cao hơn so với bị cáo D. Cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét mức hình phạt chính mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị và không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo do các bị cáo không có tài sản là phù hợp để trừng trị và giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Vật chứng trong vụ án là lượng ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì là vật cấm cần tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Bùi Văn D đồng phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10

(được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2009/QH12) đối với bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Bùi Văn D,

Phạt bị cáo Bùi Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2016.

Phạt bị cáo Bùi Văn D 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2016.

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2009/QH12); Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy lượng ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì (chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên).

Hai bị cáo Bùi Văn T và Bùi Văn D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Bùi Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND; CA; Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- CA; Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Phương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Phương

